SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK **TTYT BUÔN ĐÔN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số456 /QĐ - TTYT	*Ea Wer, ngày 18 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua phim X-quang dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro Model 832 bổ sung lần 2 năm 2026 thuộc dự toán mua sắm phim X-quang dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro Model 832 bổ sung lần 2 năm 2026 của Trung tâm Y tế Buôn Đôn.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ BUÔN ĐÔN

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ;

Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT/BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ kết luận tại cuộc họp Hội đồng khoa học số 45/ HĐKH-TTYT ngày 13/11/2026 của Hội đồng khoa học TTYT Buôn Đôn;

Theo đề nghị của khoa Dược – VT, TBYT tại tờ trình số 26/TTr – KDVTTBYT ngày 16 tháng 11 năm 2026 Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua phim X-quang dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro Model 832 bổ sung lần 2 năm 2026 thuộc dự toán mua sắm phim X-quang dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro Model 832 bổ sung lần 2 năm 2026 của Trung tâm Y tế Buôn Đôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự toán: Mua phim X-quang dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro Model 832 bổ sung lần 2 năm 2026, với nội dung chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế và các khoa, phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - Như Điều 2; - Ban giám đốc (c/đ); - Lưu VT.	**GIÁM ĐỐC** SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK TRUNG TÂM Y TẾ BUÔN ĐÔN **Đoàn Quốc Đính**

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ TOÁN: MUA PHIM X-QUANG DÙNG CHO MÁY IN KỸ THUẬT SỐ DRYPRO MODEL 832 BỔ SUNG LẦN 2 NĂM 2026 CỦA TTYT BUÔN ĐÔN.

(Kèm theo Quyết định số 456 /QĐ-TTYT ngày 18 tháng 11 năm 2026 của trung tâm y tế Buôn Đôn)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Trung tâm y tế Buôn Đôn	Mua phim X-quang dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro Model 832 bổ sung lần 2 năm 2026	Mua phim X-quang dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro Model 832 bổ sung lần 2 năm 2026 Gồm 1 phần, 1 mặt hàng	**9.000.000**	Nguồn tài chính hợp pháp (thu DVSNC sử dụng NSNN) năm 2026	Chào giá trực tuyến rút gọn	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	10 ngày	Quý IV /2026	Theo đơn giá cố định	1 tháng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu: 9.000.000 đồng, *(Bằng chữ: Chín triệu đồng chẵn)*												

Phụ lục 2

DANH MỤC MUA PHIM X-QUANG DÙNG CHO MÁY IN KỸ THUẬT SỐ DRYPRO MODEL 832 BỔ SUNG LẦN 2 NĂM 2026 CỦA TTYT BUÔN ĐÔN.

(Kèm theo Quyết định số456 /QĐ-TTYT ngày18 / 11 /2026 của Trung tâm y tế Buôn Đôn)

STT	Tên hàng hoá	Mô tả hàng hóa	Ký mã hiệu và nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Phim X-quang khô y tế 8 x 10 inch (20x25cm)	Kích thước: 20 x 25 cm – (8 x 10) inch. Phim được thiết kế trên nền Polyethylene terephthalate (PET). Thành phần chính: polyethylene terephthalate (PET) 85-95%, polymers 1-10%, organic silver 1-10%, gelatine 1-10%, additives 0.1-15%, silver halides 0.05-1%. Dùng được cho máy in kỹ thuật số **Drypro model 832.** Qui cách: Hộp/125 tấm Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	**SD-Q2**	Năm 2025 trở về sau	Konica Minolta Technoproducts Co., Ltd./ Nhật Bản	Hộp	4	2.250.000	9.000.000
		Tổng: 1 khoản							**9.000.000**